

Bản án số: 27/2026/DS-ST

Ngày: 09-4-2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Đức Tâm.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2026/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP CT VN;**

Địa chỉ: Phường N, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Minh B** – Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP CT VN;

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thanh T** – Giám đốc Ngân hàng TMCP CT VN – chi nhánh BT;

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

- Ông **Nguyễn Ngọc S** – Phó Phòng Tổ chức – Tổng hợp của Ngân hàng TMCP CT VN - chi nhánh BT;

- Bà **Trần Thị Hồng T** – Nhân viên quản lý nợ có vấn đề kiêm tổng hợp của Ngân hàng TMCP CT VN - chi nhánh BT;

- Bà **Lê Thị Kim N** – Nhân viên tổng hợp kiêm xử lý nợ của Ngân hàng TMCP CT VN - chi nhánh BT;

- Ông **Nguyễn Tiến K** – Phó phòng phụ trách Phòng Bán lẻ của Ngân hàng TMCP CT VN - chi nhánh BT;

- Bà **Đoàn Thị Lê N1** – Phó Phòng Bán lẻ của Ngân hàng TMCP CT VN - chi nhánh BT;

- Bà **Ngô Mỹ T2** – Cán bộ quan hệ khách hàng bán lẻ của Ngân hàng TMCP CT VN - chi nhánh BT;

Cùng địa chỉ: Phường A, tỉnh Vĩnh Long.

(Theo Giấy ủy quyền lại số 16/UQ-CNBT-TCTH ngày 13/01/2026)

2. *Bị đơn:* Ông **Phan Văn T3**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là T, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

(Bà Đoàn Thị Lê N1, bà Lê Thị Kim N và bà Ngô Mỹ T2 có mặt; ông Nguyễn Ngọc S, bà Trần Thị Hồng T1, ông Nguyễn Tiến K và ông Phan Văn T3 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP CT VN là bà Đoàn Thị Lê N1, bà Lê Thị Kim N và bà Ngô Mỹ T2 trình bày:

Ông Phan Văn T3 có ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP CT VN (gọi tắt là Ngân hàng) - chi nhánh BT, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 33289.078/2024-HĐCVHM/NHCT78036 ngày 30/8/2024 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 30/8/2024, theo đó: Ngân hàng cho ông T3 vay số tiền là 700.000.000 đồng; mục đích vay là bổ sung vốn lưu động chăn nuôi heo; ngày giải ngân là ngày 30/8/2024; ngày trả nợ là ngày 30/8/2025; thời hạn trả nợ là 12 tháng; lãi suất vay vốn là 9,5%/năm có giá trị cho kỳ kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất; ngày trả lãi là 03 tháng trả một lần, kỳ đóng lãi đầu tiên là vào ngày 30/11/2024; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm.

- Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tài chính cá nhân số HD 33289.073/2024 ngày 06/11/2024, theo đó: Hạn mức thẻ tài chính cá nhân của hợp đồng là 70.000.000 đồng; mục đích là thanh toán các giao dịch thẻ hợp pháp để phục vụ nhu cầu đời sống; thời hạn là 60 tháng; lãi suất là 12%/năm; lãi suất quá hạn là 18,5%/năm.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông T3 đã ký với Ngân hàng – chi nhánh BT Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 039/2024/HĐBĐ/NHCT78036 ngày 29/8/2024, theo đó thế chấp quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 209 có diện tích 3.004,8m², tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CH 972172, số vào sổ cấp GCN CS06323 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long) cấp ngày 27/4/2017 cho ông T3 và quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 391 có diện tích 300m², tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DM 216119, số vào sổ cấp GCN VP10939 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long) cấp ngày 17/10/2023 cho ông T3.

Trong quá trình vay vốn, ông T3 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng, cụ thể: Theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 33289.078/2024-HĐCVHM/NHCT78036 ngày 30/8/2024 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 30/8/2024 thì ngày trả lãi là 03 tháng trả một lần, ngày 30/8/2025 phải trả tiền gốc nhưng từ ngày 30/5/2024 đến nay ông T3 không tiền lãi cho Ngân hàng, từ ngày 30/8/2025 đến nay ông T3 không trả tiền gốc cho Ngân hàng; đối với thẻ tài chính cá nhân thì từ ngày 07/9/2025 đến nay ông T3 không trả số tiền tối thiểu là 2% theo như thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T3 trả số tiền đã vay cho Ngân hàng nhưng ông T3 không thực hiện. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

- Yêu cầu ông T3 thanh toán ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 09/4/2026 là 842.433.568 đồng, cụ thể:

- + Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 33289.078/2024-HĐCVHM/NHCT78036 ngày 30/8/2024 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 30/8/2024: Tổng số nợ là 768.158.127 đồng, trong đó số nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 47.053.134 đồng, nợ lãi quá hạn là 21.104.993 đồng.

- + Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tài chính cá nhân số HD 33289.073/2024 ngày 06/11/2024: Tổng số nợ là 74.275.441 đồng, trong đó nợ gốc là 64.975.221 đồng, nợ lãi và phí là 9.300.220 đồng.

- Yêu cầu ông T3 thanh toán các khoản lãi, phí, chi phí khác còn tiếp tục phát sinh kể từ ngày 10/4/2026 theo lãi suất quá hạn quy định tại các hợp đồng cho vay đã ký cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết toàn bộ khoản nợ.

- Ngay khi ông T3 không thực hiện đúng hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán trên thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất số 209 và số 391.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn ông T3 đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan do vắng mặt nhiều lần, không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

- Buộc ông T3 thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 09/4/2026 là 842.433.568 đồng, cụ thể:

- + Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 33289.078/2024-HĐCVHM/NHCT78036 ngày 30/8/2024 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 30/8/2024: Tổng số nợ là 768.158.127 đồng, trong đó số nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 47.053.134 đồng, nợ lãi quá hạn là 21.104.993 đồng.

- + Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tài chính cá nhân số HD 33289.073/2024 ngày 06/11/2024: Tổng số nợ là 74.275.441 đồng, trong đó nợ gốc là 64.975.221 đồng, nợ lãi và phí là 9.300.220 đồng.

- Ông T3 còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng đã ký kể từ ngày 10/4/2026 đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Trường hợp ông T3 không thực hiện đúng hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể là quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất số 209 và số 391.

Về án phí: Ông T3 là người chịu án phí.

Về chi phí thu thập chứng cứ: Ông T3 phải chịu là 200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng TMCP CT VN khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long giải quyết buộc ông T3 trả số tiền đã vay cho Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 33289.078/2024-HĐCVHM/NHCT78036 ngày 30/8/2024, Giấy nhận nợ số 01 ngày 30/8/2024 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tài chính cá nhân số HD 33289.073/2024 ngày 06/11/2024. Theo các Hợp đồng này thì ông T3 cư trú tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long). Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP CT VN gồm ông Nguyễn Ngọc S, bà Trần Thị Hồng T1, ông Nguyễn Tiến K vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo Giấy ủy quyền lại số 16/UQ-CNBT-TCTH ngày 13/01/2026 thì ông Nguyễn Thanh T ủy quyền cho một, hoặc một số, hoặc những người gồm ông Nguyễn Ngọc S, bà Trần Thị Hồng T1, bà Lê Thị Kim N, ông Nguyễn Tiến K, bà Đoàn Thị Lê N1 và bà Ngô Mỹ T2; tại phiên tòa, bà Đoàn Thị Lê N1, bà Lê Thị Kim N và bà Ngô Mỹ T2 có mặt. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tiếp tục xét xử là đúng theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T3.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP CT VN:

Ông T3 có ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP CT VN (gọi tắt là Ngân hàng) - chi nhánh BT, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 33289.078/2024-HĐCVHM/NHCT78036 ngày 30/8/2024 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 30/8/2024, theo đó: Ngân hàng cho ông T3 vay số tiền là 700.000.000 đồng; mục đích vay là bổ sung vốn lưu động chăn nuôi heo; ngày giải ngân là ngày 30/8/2024; ngày trả nợ là ngày 30/8/2025; thời hạn trả nợ là 12 tháng; lãi suất vay vốn là 9,5%/năm có giá trị cho kỳ kể từ

thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất; ngày trả lãi là 03 tháng trả một lần, kỳ đóng lãi đầu tiên vào ngày 30/11/2024; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm.

- Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tài chính cá nhân số HD 33289.073/2024 ngày 06/11/2024, theo đó: Hạn mức thẻ tài chính cá nhân của hợp đồng là 70.000.000 đồng; mục đích là thanh toán các giao dịch thẻ hợp pháp để phục vụ nhu cầu đời sống; thời hạn là 60 tháng; lãi suất là 12%/năm; lãi suất quá hạn là 18,5%/năm. Theo Giấy đề nghị trên, ông T3 xác nhận đã được Ngân hàng cung cấp đầy đủ thông tin về Điều khoản điều kiện, Điều khoản và điều kiện bảo vệ dữ liệu cá nhân; đã đọc, hiểu rõ, đồng ý với các quy định trong Giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ, Điều khoản điều kiện, Điều khoản và điều kiện bảo vệ dữ liệu cá nhân; khi ông T3 sử dụng thẻ hoặc kích hoạt thẻ đồng nghĩa với việc ông T3 đã nhận thẻ và phát sinh quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Giấy đề nghị kèm Hợp đồng này và Điều khoản điều kiện, Điều khoản và điều kiện bảo vệ dữ liệu cá nhân. Theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ Viettinbank, quy định về Thẻ tài chính cá nhân của Ngân hàng thì:

- + Lãi suất thẻ tài chính cá nhân là 12%/năm.

- + Lãi suất quá hạn là 18,5%/năm.

- + Hàng tháng khách hàng phải thanh toán tối thiểu là 2% đối với khoản nợ trong hạn, 15% đối với nợ quá hạn trên 30 ngày, 100% đối với khoản nợ quá hạn trên 60 ngày hoặc mức khác do Ngân hàng quy định phù hợp với đặc thù của từng sản phẩm/trường hợp và thông báo cho khách hàng biết tại bản sao kê. Khách hàng có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ hoặc dư nợ thanh toán tối thiểu trên sao kê hàng tháng do Ngân hàng gửi khách hàng.

- + Chủ thẻ còn phải chịu các loại phí.

- + Tất cả các giao dịch thẻ, phí, lãi (gọi chung là giao dịch) phát sinh tạo nên dư nợ theo từng kỳ sao kê. Nếu chủ thẻ không trả hoặc trả một phần dư nợ, Ngân hàng sẽ tính lãi đối với các giao dịch này kể từ ngày các giao dịch này được cập nhật vào hệ thống quản lý thẻ của Ngân hàng đến ngày chủ thẻ trả nợ, các giao dịch còn lại chưa thanh toán sẽ tiếp tục được tính lãi cho đến khi được thanh toán và sẽ được thể hiện trên kỳ sao kê tiếp theo.

- + Bất kỳ lệnh giao dịch nào được thực hiện và ghi nhận trên hệ thống của Ngân hàng được coi là có giá trị ràng buộc đối với chủ thẻ sau khi Ngân hàng kiểm tra tính xác thực của lệnh giao dịch bằng việc kiểm tra đúng chữ ký điện tử hoặc các yếu tố định danh khác.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông T3 đã ký với Ngân hàng – chi nhánh BT Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 039/2024/HĐBĐ/NHCT78036 ngày 29/8/2024, theo đó: thế chấp quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 209 có diện tích 3.004,8m²,

tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CH 972172, số vào sổ cấp GCN CS06323 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long) cấp ngày 27/4/2017 cho ông T3 và quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 391 có diện tích 300m², tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DM 216119, số vào sổ cấp GCN VP10939 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long) cấp ngày 17/10/2023 cho ông T3. Hợp đồng thế chấp trên được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng thừa nhận các Hợp đồng trên, ông T3 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Như vậy, các Hợp đồng trên có giá trị pháp lý, ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 117 và Điều 119 Bộ luật dân sự.

Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số 33289.078/2024-HĐCVHM/NHCT78036 ngày 30/8/2024 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 30/8/2024: Ngày 30/8/2024, ông T3 đã nhận được số tiền vay là 700.000.000 đồng qua tài khoản Ngân hàng của ông là 109600120580. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, lúc đầu ông T3 thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nhưng đến ngày 30/5/2024 ông T3 vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, cụ thể: Theo thỏa thuận thì ngày trả lãi là 03 tháng trả một lần, ngày 30/8/2025 phải trả tiền gốc nhưng từ ngày 30/5/2024 đến nay ông T3 không tiền lãi cho Ngân hàng, từ ngày 30/8/2025 đến nay ông T3 không trả tiền gốc cho Ngân hàng. Tại điểm (a) và (c) khoản 9.1 Điều 9 của Phần 2 về Điều kiện, điều khoản chung của Hợp đồng thì Ngân hàng được quyền tuyên bố chấm dứt cho vay và/hoặc thu hồi trước hạn một phần hoặc toàn bộ tiền vay trước hạn (vào ngày do Ngân hàng ấn định và thông báo cho bên vay) khi phát sinh hoặc tiếp diễn sự kiện ông T3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ gốc đến hạn của bất kỳ khoản nợ nào, lãi đến hạn tính đến bất kỳ khoản nợ nào, và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ tài chính khác đến hạn theo quy định tại Hợp đồng cho vay, Hợp đồng bảo đảm; ông T3 vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào được quy định trong Hợp đồng và các văn bản, thỏa thuận, cam kết liên quan khác với Ngân hàng mà không thể khắc phục được hoặc không được khắc phục trong thời hạn mà Ngân hàng yêu cầu.

Đối với Thẻ tài chính cá nhân: Ông T3 đã nhận được Thẻ vào ngày 29/11/2024. Trong quá trình thực hiện Thẻ, ngày 16/12/2024 ông T3 sử dụng số tiền là 69.000.000 đồng, từ ngày 07/9/2025 đến nay ông T3 không trả số tiền tối thiểu là 2% theo như thỏa thuận. Theo các điểm p, t và o khoản 1 Điều 3 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ Viettinbank của Ngân hàng thì

Ngân hàng được quyền thu hồi nợ trước hạn trong trường hợp đơn phương chấm dứt sử dụng thẻ của chủ thẻ hoặc của Ngân hàng; Ngân hàng được thu nợ từ tài sản bảo đảm (nếu có) của chủ thẻ theo cam kết đối với thẻ có tài sản bảo đảm; Ngân hàng được quyền đơn phương chấm dứt sử dụng thẻ khách hàng trong trường hợp chủ thẻ vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào được quy định trong Hợp đồng và các văn bản, thỏa thuận, cam kết liên quan khác với Ngân hàng mà không thể khắc phục được hoặc không được khắc phục trong thời hạn mà Ngân hàng yêu cầu.

Theo khoản 1.2 Điều 1 và điểm b khoản 5.1 Điều 5 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 039/2024/HĐBĐ/NHCT78036 ngày 29/8/2024 thì nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn (bao gồm: gốc, lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác) của bên được bảo đảm đối với bên nhận thế chấp phát sinh từ tất cả các hợp đồng cho vay (hợp đồng tín dụng), hợp đồng cấp bảo lãnh, hợp đồng chiết khấu, hợp đồng bao thanh toán, văn bản liên quan tới việc phát hành L/c, hợp đồng mua bán trái phiếu, hợp đồng cấp tín dụng khác và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) mà bên được bảo đảm ký với bên nhận thế chấp trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng này; Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp khi bên thế chấp/bên được bảo đảm vi phạm các cam kết và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp đồng này hoặc một trong các Hợp đồng cấp tín dụng mà không khắc phục vi phạm trong thời hạn mà bên nhận thế chấp yêu cầu bằng văn bản hoặc không thể khắc phục.

Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T3 trả số nợ vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 33289.078/2024-HĐCVHM/NHCT78036 ngày 30/8/2024 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 30/8/2024, theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tài chính cá nhân số HD 33289.073/2024 ngày 06/11/2024, yêu cầu tính lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất cùng các tài sản gắn liền trên đất đối với các thửa đất số 209 và số 391 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 039/2024/HĐBĐ/NHCT78036 ngày 29/8/2024 là có cơ sở nên được chấp nhận.

Tính đến ngày 09/4/2026 thì tổng số tiền ông T3 phải trả cho Ngân hàng là 842.433.568 đồng, cụ thể: Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 33289.078/2024-HĐCVHM/NHCT78036 ngày 30/8/2024 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 30/8/2024 thì tổng số nợ là 768.158.127 đồng, trong đó số nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 47.053.134 đồng, nợ lãi quá hạn là 21.104.993 đồng; theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tài chính cá nhân số HD 33289.073/2024 ngày 06/11/2024 thì tổng số nợ là 74.275.441 đồng, trong đó nợ gốc là 64.975.221 đồng, nợ lãi và phí là 9.300.220 đồng.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí thu thập chứng cứ là 200.000 đồng do ông T3 phải chịu. Tuy nhiên, Ngân hàng đã nộp xong số tiền này nên ông T3 phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền là 200.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, buộc ông T3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 842.433.568 đồng nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 37.273.000 đồng do ông T3 phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, 119, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP CT VN:

Buộc bị đơn ông Phan Văn T3 có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP CT VN số tiền vay tính đến ngày 09/4/2026 tổng cộng là 842.433.568 (tám trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi tám) đồng, gồm:

- Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 33289.078/2024-HĐCVHM/NHCT78036 ngày 30/8/2024 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 30/8/2024 ký giữa ông Phan Văn T3 và Ngân hàng TMCP CT VN – chi nhánh BT: Tổng số nợ là 768.158.127 (bảy trăm sáu mươi tám triệu một trăm năm mươi tám nghìn một trăm hai mươi bảy) đồng, trong đó số nợ gốc là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng, nợ lãi trong hạn là 47.053.134 (bốn mươi bảy triệu không trăm năm mươi ba nghìn một trăm ba mươi bốn) đồng, nợ lãi quá hạn là 21.104.993 (hai mươi một triệu một trăm lẻ bốn nghìn chín trăm chín mươi ba) đồng.

- Theo Giấy đề nghị kiểm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tài chính cá nhân số HD 33289.073/2024 ngày 06/11/2024 ký giữa ông Phan Văn T3 và Ngân hàng TMCP CT VN – chi nhánh BT: Tổng số nợ là 74.275.441 (bảy mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi một) đồng, trong đó nợ gốc là 64.975.221 (sáu mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm

hai mươi một) đồng, nợ lãi và phí là 9.300.220 chín triệu ba trăm nghìn hai trăm hai mươi) đồng.

Bị đơn ông Phan Văn T3 còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 33289.078/2024-HĐCVHM/NHCT78036 ngày 30/8/2024, Giấy nhận nợ số 01 ngày 30/8/2024 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tài chính cá nhân số HD 33289.073/2024 ngày 06/11/2024 ký giữa ông Phan Văn T3 và Ngân hàng TMCP CT VN – chi nhánh BT kể từ ngày 10/4/2026 đến khi ông Phan Văn T3 trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP CT VN.

Trường hợp bị đơn ông Phan Văn T3 không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ trên cho Ngân hàng TMCP CT VN thì Ngân hàng TMCP CT VN có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 039/2024/HĐBĐ/NHCT78036 ngày 29/8/2024 ký giữa ông Phan Văn T3 và Ngân hàng TMCP CT VN – chi nhánh BT để thu hồi nợ, theo đó tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 209 có diện tích 3.004,8m², tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CH 972172, số vào sổ cấp GCN CS06323 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long) cấp ngày 27/4/2017 cho ông Phan Văn T3 và quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 391 có diện tích 300m², tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DM 216119, số vào sổ cấp GCN VP10939 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long) cấp ngày 17/10/2023 cho ông Phan Văn T3.

2. Về chi phí thu thập chứng cứ là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng do bị đơn ông Phan Văn T3 phải chịu. Tuy nhiên, nguyên đơn Ngân hàng TMCP CT VN đã nộp xong số tiền này nên bị đơn ông Phan Văn T3 phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP CT VN số tiền là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 37.273.000 (ba mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn) đồng, buộc bị đơn ông Phan Văn T3 phải nộp.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP CT VN được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp là 17.713.000 (mười bảy triệu bảy trăm mười ba nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008350 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân

tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Yến